| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƯ PRÔNG**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Đặng Chí Công
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Đặng Hồng Việt;
2. Ông Trương Công Chự.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bích Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa:

*1. Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh G
*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Bảo N, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh G
*Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa*.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:* Chị và anh Nguyễn Bảo N đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh G ngày 10/01/2014 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị và anh N không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay không còn ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N ly hôn trước pháp luật.

Về con chung, chị và anh N có 02 con là Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Vũ B, sinh ngày 18/10/2017. Khi ly hôn chị đề nghị giao con Nguyễn Vũ B cho

chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Kim Bảo N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Bảo N trình bày:* Anh và chị L đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh G như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn anh và chị N chung sống hạnh phúc nhưng đôi lúc cũng xảy ra cãi vã. Khoảng tháng 8 năm 2019, giữa anh và chị N xảy ra mâu thuẫn nên chị L bỏ đi. Mặc dù nhiều lần anh cùng với gia đình động viên để chị L quay về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Nay anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng nếu chị L cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con khi ly hôn: Anh mong muốn được nuôi cả hai con nhưng chị L yêu cầu mỗi người nuôi một con thì anh cũng nhất trí theo nguyện vọng của chị L.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm về kiểm sát tuân theo pháp luật, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; nguyên đơn, bị đơn cũng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận cho chị Vũ Thị L ly hôn với anh Nguyễn Bảo N. Giao con Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03/12/2014 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Vũ B, sinh ngày 18/10/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Vũ Thị L yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Bảo N, ngoài ra chị còn yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Bảo N có nơi cư trú đúng như trong đơn khởi kiện của nguyên đơn; Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh N nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn chị Vũ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị. Do vậy Toà án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Bảo N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa các đương sự có mâu thuẫn và dẫn đến vợ, chồng sống ly thân kể từ năm 2019 cho đến nay không còn ai quan tâm đến cuộc sống gia đình nữa. Do vậy có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị L và anh N đã mâu thuẫn nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về nuôi con khi ly hôn: Chị L và anh N có 02 con là Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Vũ B, sinh ngày 18/10/2017. Kể từ khi ly thân, chị L trực tiếp chăm sóc con Nguyễn Vũ B; anh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con Nguyễn Kim Bảo N. Các đương sự đều có công việc ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con Nguyễn Kim Bảo N cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Vũ B cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp, đồng thời cũng bảo đảm được quyền lợi mọi mặt cho con.

[4]. Về việc cấp dưỡng, chị L và anh N đều không yêu cầu

[5]. Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Bảo N.

*Về nuôi con khi ly hôn:*

Giao con Nguyễn Vũ B, sinh ngày 18/10/2017 cho chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao con Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Nguyễn Bảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến

khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Về án phí:* Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000429 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chị Vũ Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Chí Công**